



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
**(UTXICO)**




**SÓC TR. NG, NGÀY 20/04/2015**



## **I. L CH S HO T NG C A CTY C PH N CH BI N TH Y S N ÚT XI**

### **1. Nh ng s ki n quan tr ng:**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**
- Tên giao d ch i ngo i: Utxi Aquatic Products Processing Corporation
- Logo: 
- V n i u l : 295.000.000.000 ng
- i n tho i: (84-079) 3852676 – 3852952;
- Fax: (84-079) 3852676 – 3852952 – 3852670;
- Website: [www.utxi.com.vn](http://www.utxi.com.vn);
- Email: [utxi@hcm.vnn.vn](mailto:utxi@hcm.vnn.vn);
- Tr s : S 24, ng 934, p Hà Bô, xã Tài V n, huy n Tr n , t nh Sóc Tr ng, Vi t Nam;
- Gi y phép kinh doanh: Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh công ty c ph n s 2200203836 do S K Ho ch và u t t nh Sóc Tr ng c p ngày 15 tháng 6 n m 2006, thay i l n th 13, ngày 03/10/2011.

Ti n thân Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là doanh nghi p t nhân ho t ng chính trong l nh v c mua bán tôm nguyên li u cho các nhà máy th y s n trong và ngoài t nh Sóc Tr ng.

N m 2002, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính th c i vào ho t ng v i các l nh v c s n xu t kinh doanh các m t hàng th y s n xu t kh u.

Ngày 15/06/2006, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính th c chuy n i hình th c doanh nghi p thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi theo Gi y ng ký kinh doanh s 5903000042 do S K Ho ch và u t t nh Sóc Tr ng c p ngày 15/06/2006.

Là thành viên c a Hi p h i Chế biến và Xu t kh u Th y s n Vi t Nam (VASEP), Phòng Th ng m i và Công nghi p Vi t Nam (VCCI), Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là n v u tiên c a t nh Sóc Tr ng s n xu t theo mô hình khép kín t nuôi tr ng n ch bi n và kinh doanh.



“Trụ sở chính công ty”

**Các chi nhánh trực thuộc:**

**(1). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phụng:**

Địa chỉ: Tỉnh Lộ 8, Xã Tài Văn, Huyện Trăn, Tỉnh Sóc Trăng.



**Giới thiệu tổng quan Xí nghiệp chế biến Hoàng Phụng:**

Công suất thiết kế 10.000 tấn thành phẩm/năm, công suất vận hành hiện tại 60-75%, công nhân sản xuất hiện tại 1.000 công nhân.

Vốn đầu tư: 101.699 triệu đồng, đưa vào hoạt động năm 2004.

Thông tin về Xí nghiệp:



- Xí nghi p ch bi n th y s n Hoàng Ph ng có 7.144m<sup>2</sup> m t b ng s n xu t c b trí linh ho t cho nhi u dây chuy n ch bi n. c hoàn thành và a vào s d ng cu i n m 2003 v i trang thi t b hoàn toàn m i. Công su t xí nghi p kho ng 10.000 t n thành ph m/ n m.
- Ph n l n thi t b chính c nh p kh u t Nh t B n, M và Châu Âu do Searefico – n v hàng u c a Vi t Nam trong l nh v c thi t b l nh công nghi p ch bi n th y s n – l p t nh :
  - + H th ng 03 dàn cân i n t ANRITSU nh p kh u nguyên ai nguyên ki n t Nh t B n v i công su t 20.000 con/gi /máy có kh n ng phân thành 7 n 12 c v i chính xác +/- 0.1gr.
  - + H th ng 03 t ông gió có kh n ng c p ông 900kg thành ph m/gi .
  - + H th ng 02 t ông ti p xúc có công su t 1,6 t n thành ph m/m .
  - + H th ng 02 b ng chuy n IQF siêu t c l nh và lu c công su t 1 t n thà nh ph m/gi .
  - + M t b ng chuy n IQF xo n tiên ti n nh p kh u tr c ti p t FMC Th y i n có kh n ng c p ông nhi u lo i s n ph m cao c p v i công su t 450kg/gi .
  - + 05 máy làm á v y chuyên dùng có th s n su t 100 t n á v y/ngày.
  - + 07 máy rà kim lo i chuyên d ng nh ãn hi u Anritsu và Ishida c a Nh t.
  - + H th ng kho l nh có công su t 650 t n m b o kh n ng tr l nh n nh nhi t -20 °C +/- 2.
  - + H th ng máy phát i n d phòng g m 2 máy CUMIN công su t 1.041KVA nh p kh u t M c hòa ng b , m b o ngu n cung c p i n n nh cho s n xu t.
  - + H th ng khai thác và x lý n c c p m b o cung c p n c tiêu chu n dùng trong ch bi n th y s n xu t kh u v i công su t 1.200m<sup>3</sup> / ngày êm.
  - + Ngoài ra còn nhi u thi t b h tr khác c trang b ng b m b o kh n ng ch bi n t nh ng m t hàng n gi n nh tôm sú còn v b u ông block n nh ng m t hàng cao c p nh tôm du i, tôm xiên que, tôm t m b t, tôm h p chín, tôm Sushi....
  - + Nhà máy có h th ng x lý n c th i 1.000m<sup>3</sup>/ ngày êm.

Cu i n m 2011, Công ty ti n hành u t nâng c p, c i t o cho phù h p v i nhu c u th c t t s n xu t chuyên v tôm sú sang s n xu t sú và th .



**(2). Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong:**

Địa chỉ: Tỉnh Lộ 8, Xã Tài Văn, Huyện Trăn, Tỉnh Sóc Trăng.



**Giới thiệu tổng quan Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong:**

Công suất thiết kế 10.000 tấn thành phẩm/năm, công suất vận hành hiện tại 70-80%, công nhân sản xuất hiện tại: 1.100 công nhân.

Vốn đầu tư: 127.047 triệu đồng, đưa vào sử dụng năm 2007.

Thông tin về Xí nghiệp:

- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong là xí nghiệp chế biến tôm công nghiệp hiện nay. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2006, xí nghiệp chế biến Thủy sản Hoàng Phong là nhà máy hiện nay, là niềm tự hào của toàn công ty về tính hiện đại, hợp lý hóa sản xuất và công suất chế biến với hệ thống kho lạnh kho đông 600 tấn. Công suất xí nghiệp kho đông 10.000 tấn/năm
- Một số thiết bị tiêu biểu của xí nghiệp chế biến Thủy sản Hoàng Phong:
  - + Hệ thống máy nén MYCOM gồm 10 máy thể hiện tính công suất 1.367 kw nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện Nhật Bản.
  - + Hệ thống 03 dàn cân hiện tại ANRITSU nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện Nhật Bản với công suất 20.000 con/giờ/máy có khả năng phân thành 7 và 12 cân với chính xác +/- 0.1gr.
  - + 03 băng chuyền IQF siêu tốc dùng để đóng các sản phẩm lạnh và lưu công suất 1,7 tấn thành phẩm/giờ.
  - + 02 băng chuyền IQF xoắn siêu tốc dùng để đóng các mặt hàng cao cấp như Nobashi, tôm bao bì... công suất 1 tấn thành phẩm/giờ.
  - + Hệ thống đông gió (Airplast Freezer) chuyên dùng cho các sản phẩm IQF bao gồm 09 tấn liên hoàn với công suất 3,1 tấn thành phẩm/m.



- + Hệ thống đông lạnh (Airplast Freezer) chuyên dùng cho các sản phẩm block bao gồm 06 tủ liên hoàn với công suất 2,2 tấn thành phẩm/m<sup>3</sup>.
- + Hệ thống máy hút chân không các loại tôm tươi ngay như tôm PTO hấp, PD hấp và Sushi có công suất 1,5 tấn/giờ.
- + 05 máy làm đá vảy chuyên dùng có thể sản xuất 150 tấn đá vảy/ngày.
- + 05 máy rửa kim loại chuyên dùng nhãn hiệu Anritsu của Nhật.
- + Hệ thống kho lạnh có công suất 350 tấn mỗi kho ngăn trữ lạnh như nhànhiệt -220C +/- 2.
- + Hệ thống máy phát điện phòng có công suất 1.370KVA để hòa nhập, mỗi nguồn cung cấp điện như cho sản xuất.
- + Hệ thống khai thác và xử lý nước cấp mỗi cung cấp nước tiêu chuẩn dùng trong chế biến thủy sản xuất khẩu với công suất 1.500m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- + Bên cạnh đó công ty còn đầu tư thêm một phòng kiểm nghiệm hiện đại có khả năng kiểm tra độ kháng sinh theo phương pháp ELISA, kiểm tra vi sinh... theo nhu cầu khách thể các nhà nhập khẩu như Nhật, Châu Âu và Mỹ.
- + Nhà máy xử lý nước thải công suất 1.500m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Dây chuyền sản xuất được trang bị 100%, thiết bị nhập và xuất mìnhtu, áp dụng những tiêu chuẩn quản lý tiên tiến cùng với đội ngũ công nhân lành nghề, là lợi thế của Công ty Út Xi so với các đơn vị khác.

Tất cả máy móc thiết bị được theo dõi dựa trên lý lịch máy, chế độ vận hành, kế hoạch bảo trì thiết bị nên các bộ phận vận hành máy được quản lý bằng công nghệ chuyên nghiệp.

### (3). Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã:

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Vấn, huyện Trấn , tỉnh Sóc Trăng.





Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh Hoàng Nhã là kho lạnh trữ hàng thành phẩm và nguyên liệu với công suất 4.500 tấn, nhiệt độ âm 30+/-2 °C.

Vốn đầu tư: 43.743 triệu đồng, đầu tư xây dựng 3.000 tấn năm 2005 và dây chuyền 1.500 tấn sản xuất năm 2008, tổng nhân sự 82 nhân sự.

Một số máy móc thiết bị Xí nghiệp:

- Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh Hoàng Nhã được xây dựng hoàn thành vào cuối năm 2004, công suất thiết kế trữ hàng 3.000 tấn, với hệ thống kỹ thuật hiện đại, thiết bị làm lạnh nhập từ nước ngoài, nhiệt độ trong kho bảo quản âm 30 °C +/-2.
- Năm 2007 Công ty đầu tư mở rộng hệ thống kho lạnh Hoàng Nhã thêm 1.500 tấn và đầu tư xây dựng vào quý 2/2008 tổng công trình hàng cho 03 xí nghiệp sản xuất vào thị trường trái cây.
- Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh Hoàng Nhã được trang bị hệ thống kỹ thuật tiên tiến cho quá trình nhập xuất hàng; cùng với 05 xe nâng hàng chuyên dùng kết hợp với phần mềm quản lý kho chi tiết cho từng vị trí từng mét hàng trong kho tối ưu kỹ thuật nhất về thời gian nhanh nhất trong quá trình nhập xuất hàng.
- Ngoài ra Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh Hoàng Nhã được trang bị: 11 xe ô tô lớn vận chuyển hàng có thể giao hàng cùng thời điểm là 88 tấn, 08 xe vận chuyển nguyên liệu vận chuyển hàng vận chuyển 30 tấn nguyên liệu.

#### (4). Xí nghiệp Nuôi trồng thủy sản:

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trảng Bàng, tỉnh Sóc Trăng.



## 2. Quá trình phát triển:

### + Ngành nghề kinh doanh:

- Nuôi trồng, chế biến và mua bán thủy sản xuất khẩu;
- Sản xuất, mua bán con giống thủy sản các loại;



- Mua bán hóa chất, thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản,
- Sản xuất các sản phẩm, cho thuê kho bãi hàng và vận chuyển hàng hóa;
- Hoạt động kinh doanh và kinh doanh bất động sản.

#### + Tình hình hoạt động:

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức hoạt động từ năm 2002 và có lãi từ năm thứ 2. Doanh thu và lợi nhuận qua các năm như sau: Doanh thu năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, năm 2012, năm 2013 và năm 2014 là 928,77 triệu đồng, 873,99 triệu đồng và 1.294,03 triệu đồng, 1.637,89 triệu đồng, 1.423,11 triệu đồng, 1.427,44 triệu đồng, 1.730 triệu đồng và 1.368 triệu đồng. Lợi nhuận: 16,04 triệu đồng, 6,03 triệu đồng, 28,46 triệu đồng, 37,4 triệu đồng, 8,65 triệu đồng, 5,89 triệu đồng, 11,046 triệu đồng và 15,19 triệu đồng.

Sau 13 năm hoạt động (từ 2002 -2014), Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt được danh hiệu trong sản xuất kinh doanh sau:

- Đạt danh hiệu Chính phủ tặng thưởng huân chương chào mừng trong hai năm 2005, 2006.
- Được Bộ Công nghiệp và Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng danh hiệu xuất sắc trong sản xuất kinh doanh và đóng góp tích cực vào sản nghiệp phát triển công nghiệp doanh nghiệp năm 2005.
- Được Bộ Công nghiệp và Thương mại tặng danh hiệu xuất sắc và danh hiệu xuất sắc trong năm 2001 – 2005.
- Năm 2006, Công ty đạt danh hiệu Doanh nghiệp xuất sắc (giải pháp và thương hiệu xuất sắc) và doanh nghiệp “thương hiệu vàng chất lượng” năm 2006. Và doanh nghiệp 3 năm liên tục xuất sắc uy tín năm 2004, 2005, 2006.
- Đạt danh hiệu xanh năm 2008 và 2009 do liên hiệp các khoa học kỹ thuật Việt Nam công nhận.
- Đạt giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007, 2008.
- Được Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu khen thưởng cho cá nhân Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.
- Và nhiều danh hiệu khác của UBND tỉnh Sóc Trăng, các Bộ, ngành Trung ương và các Ban ngành cấp tỉnh cho tập thể và cá nhân trong Công ty.
- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt danh hiệu “thương hiệu uy tín” năm 2009 và 2010.

### 3. Những thành tựu phát triển:

#### + Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Hiện nay, công ty đang tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao là chủ yếu kinh doanh của Công ty. Ngoài những sản phẩm cao cấp đang sản xuất thì công ty cũng chú trọng đến các thị trường Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Hong Kong, v.v., nhằm thâm nhập thị trường, thâm nhập các thị trường, Nobashi, tôm tẩm bột thông thường, Sushi, v.v.. theo yêu cầu của thị trường; công ty đã hoàn thành việc lập quy trình chế biến và thương mại qui cách vận chuyển khách hàng giải quyết thị trường mở rộng thị trường như sau:





- **Thị trường Châu Âu** : Ngoài các mặt hàng truyền thống hiện tại cung cấp, Công ty Út Xi tiếp tục nghiên cứu mặt sản phẩm hàng có giá trị và phân phối: Tôm xanh bít tết, tôm xiên que, tôm gia vị và nhiều loại khác nhau như: Tôm xiên que, tôm gia vị nướng tỏi, tôm xiên que, tôm gia vị nướng chanh, v.v...
- **Thị trường Mỹ** : Bánh tôm bao bì kiểu Châu Á, Tôm bao bánh tráng rây, Búp cải cuốn nhân tôm, Khô quả nhái tôm, v.v...
- **Thị trường Hong Kong** : Hoàn thánh nhân tôm, Nấm đông cô nhân tôm, v.v..

Công ty cũng đang phân phối và khách hàng Ai Cập, T&T cùng nghiên cứu thị trường thêm mặt sản phẩm khác cho các thị trường này.

#### + Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng chuỗi sản phẩm phẩm tính có giá trị cao vào các thị trường Nhật, Mỹ, Châu Âu, v.v... tăng tính cạnh tranh mang lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

Tiếp tục cung cấp sản phẩm giá trị gia tăng cho các thị trường truyền thống, đồng thời kết hợp với các nhà phân phối nghiên cứu sản phẩm áp dụng theo thị hiếu tiêu dùng thị trường và vùng miền trên thế giới.

Xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối chuỗi siêu thị, nhà hàng M thông qua Công ty T&T INTERNATIONAL SEAFOOD Hoa Kỳ.

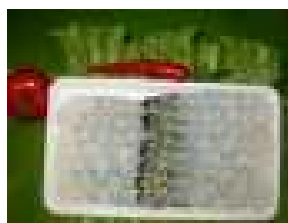
Muối và môi trường nuôi tôm theo mô hình GAP và tuân thủ nguyên lý sản xuất cung cấp cho công tác chế biến và bảo vệ môi trường không gây hại cho công nhân.

#### Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty:

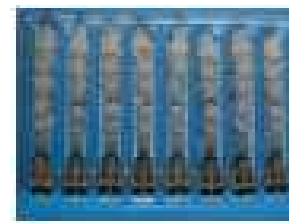
##### ❖ Dòng sản phẩm tôm NOBASHI



**Nobashi EBI**



**Nobashi EBI**



**Nobashi EBI**

##### ❖ Dòng sản phẩm tôm tươi



Raw Butterfly



Raw HLSO



Raw HLSO EZ PEEL

❖ Dòng sản phẩm tôm xiên que



Double Piercing Pto Skewer



Single Piercing PD Skewer

❖ Dòng sản phẩm tôm phở trăn



Shrimp Paste Covered With Cabbage



Shrimp Paste With Bitter Melon

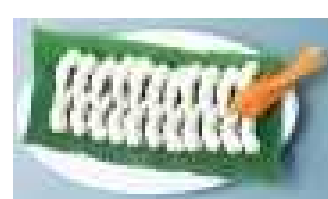
❖ Dòng sản phẩm tôm tẩm bột



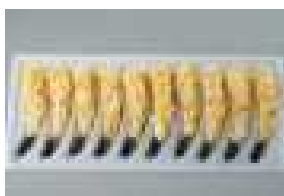
Breaded Butter Fly



Breaded PD Color



Breaded PD White



Breaded PTO Curve



Breaded PTO Straight



Coconut Breaded Butterfly

❖ Dòng sản phẩm tôm hấp chín



Cooked HOSO



Cooked PD



Cooked PTO



Cooked whole shrimp



Cooked whole shrimp



Sushi EBI

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

### 1. Về cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng công ty hàng năm năm 2014 đã thực hiện bổ sung thêm 01 thành viên HĐQT từ 06 thành viên lên 07 thành viên, và tiếp nhận bổ sung thêm ông Nguyễn Hoàng Nhã, Phó Tổng Giám đốc Công ty trúng cử là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2010 – 2015, Cơ cấu 07 thành viên HĐQT hiện nay bao gồm:

Trong 07 thành viên, có 03 thành viên độc lập, không trực tiếp hành là Ông Nguyễn Triu Đông, Chủ tịch HĐQT và 02 thành viên HĐQT là bà Mai Thị Hồng Nga thành viên Công ty và ông Trần Trúc Linh, Quản lý xe Công ty; 04 thành viên còn lại tham gia hành bao gồm:

- Bà Lý Bích Quyên: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
- Ông Trần Văn Phúc: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc;
- Ông Nguyễn Hoàng Phúc: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Phụ trách sản xuất và cung ứng nguyên liệu sản xuất;
- Ông Nguyễn Hoàng Nhã Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Phụ trách tiếp thị, quan hệ khách hàng.

Nhìn chung trong nhiệm kỳ 2010-2015, về cơ cấu thành viên HĐQT từ nhiệm kỳ cho đến nay có một số thay đổi như sau:

- HĐQT nhiệm kỳ là 06 thành viên, năm 2014 thực hiện bổ sung thêm 01 thành viên lên thành 07 thành viên;
- Có 02 trường hợp nhiệm kỳ nhiệm kỳ bao gồm: 01 thành viên do luân tu, sắp xếp công việc và 01 thành viên vì lý do gia đình, chuyển nơi ở TP.HCM.
- Có 01 nhân sự Chủ tịch HĐQT do thay thế thành viên xin thôi nhiệm vụ.



- Về cơ cấu thành viên HĐQT, từ nhiệm kỳ có 02 thành viên cũ nay có 03 thành viên cũ, không tham gia đi u hành.

## 2. Báo cáo công tác quản lý công:

Tổng số công của Công ty hiện nay là 375 công suất tổng sản lượng công phẩm là 29,500,000 công phẩm, trong đó:

• 11 công là trực tiếp trong các suất 8,208,264 công phẩm chiếm 27,82%;

• 364 công là cá nhân trong các suất 21,291,736 công phẩm chiếm 72,18%;

• Có 08 công làm suất 5% trở lên trên tổng sản phẩm Công ty, suất 23,997,767 công phẩm, chiếm 81,34%;

• 07 công là thành viên HĐQT suất 18,562,890 công phẩm chiếm 62,93%;

▣ Tính nhậ ngày 27/3/2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (FPTS HCM) đăng ký suất: 267 công, suất 10,267,047 công phẩm của UTXICO, trong đó có: 11 công là trực tiếp, suất: 8,208,264 công phẩm và 256 công là cá nhân suất: 2,058,783 công phẩm.

➤ Có 03 thành viên của Công ty chứng khoán trong vị trí quản lý công khu vực TP.HCM và các địa phương khác, bao gồm: Từ 2009 – 02/2011: Công ty Cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; Từ 03/2011 – 06/2012: Công ty Cổ phần Chứng khoán SME Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; Từ tháng 07/2012 cho đến nay: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (FPTS HCM);

## 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

### 3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT):

Hội đồng quản trị Công ty luôn giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đúng quy định, trong trình độ chuyên môn và năng lực quản lý phù hợp. Do các thành viên trong HĐQT đều trực tiếp làm việc tại Công ty, nên các cuộc họp đều có mặt các thành viên. Trong năm 2014, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 12 phiên họp (bao gồm 05 phiên họp bất thường, 07 phiên họp thường lệ) diễn ra từ tháng 4/2014 đến tháng 04/2015. Trong các cuộc họp HĐQT bám sát vào các nội dung:

- Xem xét việc tái cơ cấu nguồn vốn vay và thông qua phương án vay vốn năm 2014 một số thủ tục tín dụng nhằm phục vụ công tác thu mua nguyên liệu sản xuất;
- Xem xét thông qua kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2014.
- Xem xét thông qua phương án và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.
- Thông qua công tác phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2010 – 2015 theo quy định;
- Phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2014;
- Chọn ban giám đốc và ban chấp hành công ty thông tin công bố kết quả các số liệu sản xuất công ty theo quy định.



- Thông qua ph ng án t ng v n i u l t 295 t ng lên 450 t ng trình i h i ng c ông th ng niên n m 2015 thông qua.

### **3.2. Ho t ng giám sát c a H QT i v i T ng Giám c:**

H i ng qu n tr ã giám sát ho t ng c a Ban T ng Giám c trong vi c th c hi n nh ng công vi c nh sau:

- Xem xét thông qua báo cáo tài chính 06 tháng u n m 2014, báo cáo 06 tháng cu i n m 2014 và c n m 2014;
- Giám sát ch o ho t ng s n xu t kinh doanh n m 2014;
- Ch o th c hi n công tác thu h i công n u t c a Công ty;
- Ch o công tác ki n toàn b máy nhân s , nâng cao công tác qu n tr t i Công ty;
- Ki m tra vi c th c hi n các ch tiêu tài chính, các kho n vay và tr n các Ngân hàng, các t ch c tín đ ng theo Ph ng án kinh doanh n m 2014 ã c H QT th ng nh t phê duy t;

### **3.3. Ho t ng c a các t i u ban thu c H i ng qu n tr :**

H i ng qu n tr ch a t ch c thành l p các t i u ban, nh ng ch o tr c ti p các v n liên quan n ngu n v n, công tác u t , công tác cán b . . . qua các cu c h p c a H QT, qua ó Th ký H i ng qu n tr c p nh t y các thông tin c n thi t tri n khai cho Ban i u hành Công ty th c hi n; Trong tháng 06/2014, H QT ã h p và th ng nh t phân công m t s thành viên H QT ph trách các v n liên quan n ho t ng c a Công ty. C n c theo Ngh quy t c a H i ng qu n tr v vi c phân công m t s thành viên ph trách các v n liên quan n nhân s , chính sách phát tri n và l ng th ng Công ty; H i ng qu n tr Công ty ã nghe các thành viên c phân công nhi m v báo cáo m t s các n i dung nh :

**3.3.1. V công tác nhân s :** Do i u ki n g p khó kh n v ngu n v n và khâu nguyên li u, nên ch tr ng Công ty gi m l ng hàng s n xu t, xu t kh u; t ch c vi c tình g n l i b máy qu n lý nh t là khâu i u hành s n xu t, nh ng v n m b o s lao ng th ng xuyên có vi c làm n nh.

**3.3.2. V chính sách phát tri n:** ang xây d ng án t ch c liên k t v i các trang tr i n ôi t m duy trì tính b n v ng trong khâu nguyên li u cung ng s n xu t; ng th i liên h v i Trung tâm xúc ti n th ng m i c a T nh trong vi c m r ng th tr ng xu t kh u sang m t s n c m i nhi u t i m n ng trong tiêu th th y s n.

**3.3.3. V chính sách l ng th ng:** Tuy có g p khó kh n trong thu h p s n xu t, gi m ngu n thu ngo i t ; nh ng ch tr ng c a H QT: m b o ngu n thu nh p n nh t t i n l ng cho ng i lao ng, cân i ngu n tài chính duy trì vi c chi l ng th ng tháng 13 cho ng i lao ng nh m i n m.

Nhìn chung ho t ng c a H QT trong c nhi m k , c th hi n m t s m t sau:



❖ Về các cuộc họp của HĐQT: tính bình quân, hàng năm HĐQT tổ chức từ 12 đến 15 cuộc họp bao gồm các cuộc họp bất thường và thường kỳ; do sự hỗ trợ của các thành viên HĐQT tham gia làm việc tại khu vực Công ty, nên các cuộc họp đều có sự tham gia của các thành viên. Trong các cuộc họp tập trung vào những nội dung chính sau: đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm; thông qua kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hàng năm; Xem xét việc tái cấu trúc nguồn nhân lực, phương án vay vốn hàng năm; Thông qua kế hoạch và phương án kinh doanh của năm tiếp theo; Thông qua các phương án phát hành nợ trong trường hợp cần thiết.

❖ Về hoạt động giám sát của HĐQT: Giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty tập trung vào các nội dung: giám sát chi tiêu sản xuất kinh doanh; Xem xét, thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm và hàng năm; Công tác thu hồi công nợ; Giám sát các chỉ tiêu tài chính, các khoản vay; Chi tiêu công tác nhân sự, kỹ thuật máy móc. . .

#### 4. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2014:

Năm 2014 và 04 tháng đầu năm 2015, Hội đồng quản trị đã ra nhiều nghị quyết, các giải pháp hỗ trợ cho Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, cụ thể như sau:

4.1. Tập trung vào việc thu mua và duy trì nguyên liệu thô và vật tư để sản xuất và cung cấp cho khách hàng.

4.2. Tích cực tìm kiếm nguồn vốn bổ sung cho kế hoạch tài chính của Công ty, thông qua mối liên kết với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Tỉnh, nhằm đáp ứng cho nhu cầu thu mua nguyên liệu và mở rộng công tác sản xuất, tăng sản lượng xuất khẩu.

4.3. Giữ vững và nâng cao các hệ thống quản lý chất lượng đã được chứng nhận như ISO 9001:2000, ISO 14001:2004, BRC phiên bản 4, ISO 22000:2005, IFS, ACC hiện đang áp dụng tại nhà máy, nhằm đảm bảo cho việc: giữ vững các thị trường truyền thống và tạo sự an tâm cho các khách hàng các thị trường khác, đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

4.4. Tích cực mở rộng vào các thị trường mới thông qua mối quan hệ với các khách hàng truyền thống; đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm mới nhằm thị trường mới khai thác.

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty không thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết Hội đồng thông qua; cụ thể: về chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 63,802,202 USD = 75,06% so với kế hoạch là 85 triệu USD, về doanh thu và lợi nhuận bao gồm:

☒ Trong năm 2014, doanh thu đạt 1.368 tỷ đồng, giảm 20,93% so với doanh thu thực hiện năm 2013 (tức 1.730,2 tỷ đồng).

☒ Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty là 15 tỷ 193 triệu đồng, tăng 37,54% so với lợi nhuận thực hiện năm 2013 (tức 11 tỷ 046 triệu đồng). Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2014 là: 11 tỷ 909 triệu đồng so với năm 2013 là: 8 tỷ 624 triệu đồng (tăng 38,09%). Lãi chẵn trên 01 cent phiếu: 404 tỷ đồng tăng 39,31% so với năm 2013 là 290.



Nhìn chung vì c ảnh giá tình hình ho t ng c a Công ty hàng n m trong nhi m k 2010-2015, H i ng qu n tr Công ty ã bám sát vào tình hình th c t ch o Ban i u hành trong công tác s n xu t kinh doanh theo t ng n m, nh h ng nh ng m c tiêu c th Ban T ng Giám c Công ty c n c mà v ch ra k ho ch s n xu t kinh doanh trong t ng giai o n. Nh n xét trong nhi m k , m c dù b nh h ng t s suy thoái kinh t toàn c u; ngu n nguyên li u h u nh không n nh do giá c , d ch b nh liên t c x y ra trên các vùng nuôi tôm trong t nh và khu v c; ngu n v n không n nh t ngu n cung các t ch c tín d ng . . . . nh ng nhìn chung, Ban i u hành Công ty ã r t c g ng và n l c hoàn thành c các k ho ch ã ra. Nhìn l i 04 n m trong nhi m k c a H i ng qu n tr i v i công tác ch o Ban i u hành th c hi n k ho ch, n m nào thu n l i v ngu n v n, n nh ngu n nguyên li u và thu n l i m t s i u ki n khách quan khác, thì n m ó k t qu ho t ng kh quan h n và ng c l i; S li u c H i ng qu n tr t ng h p các n m nh sau:

Các ch tiêu	N m 2010	N m 2011	N m 2012	N m 2013
T ng doanh thu	1.646 t 091 tr	1.423 t 548 tr	1.427 t 435 tr	1.730 t 212 tr
Kim ng ch XK	83,589,268 USD	66,875,641 USD	67,105,465 USD	80,127,610 USD
L i nhu n tr c thu	37 t 408 tr	8 t 650 tr	5 t 898 tr	11 t 046 tr
L i nhu n sau thu	33 t 413 tr	7 t 851 tr	5 t 269 tr	8 t 624 tr
Lãi c b n/m i CP	1.725 ng	266 ng	179 ng	290 ng

H i ng qu n tr Công ty nh n nh trong n m 2014 là n m Công ty g p nhi u khó kh n do khách quan tác ng n nh : n m qua kinh t th gi i ch a th c s ph c h i t cùng v i chính sách b o h s n xu t các n c nh p kh u, t o nhi u rào c n k thu t, a ra nhi u chính sách b t l i cho nhà xu t kh u, nh chính sách ch ng phá giá, t ng c ng m c ki m vi sinh, kháng sinh. . . . ã t o l c c n l n trong xu t kh u th y s n; n m qua c ng là n m d ch b nh trên tôm nuôi c a T nh kéo dài trong ó h i ch ng ch t s m tôm ch a ki m soát t t; V ngu n v n, do nh h ng t vi c m t s doanh nghi p trên a bàn T nh m t kh n ng thanh toán, nên các t ch c tín d ng ã rút v n r t nhi u doanh nghi p, trong ó có Công ty Út Xi, i u này ã nh h ng n vi c thi u v n cho hoat ng c a n v .

M c dù g p nhi u khó kh n, nh ng v c b n Ban T ng Giám c Công ty ã hoàn thành t t công tác i u hành s n xu t kinh doanh c a n v trong n m 2014, cùng v i t p th CBCNV Công ty, Ban i u hành ã linh ho t và ch o t t trong t ng th i i m thích h p, nh m giúp Công ty v t qua nh ng khó kh n g p ph i, r t nhi u b t l i ã ít nhi u tác ng tr c ti p n công tác s n xu t kinh doanh c a doanh nghi p trong n m qua. Chính vì v y, nh ng k t qu ã t c trong n m theo nh báo cáo nêu trên, ã ph n nào cho th y s c g ng và quy t tâm c a t p th H i ng qu n tr, Ban i u hành



và CBCNV Công ty trong vị trí công việc mà mình đang công tác trong năm 2014.

Nhìn xét trong năm 2015, doanh nghiệp sản xuất còn gặp nhiều khó khăn tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, ngay từ cuối năm 2014 Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch, và chỉ đạo sản xuất kinh doanh chỉ tiêu trong từng quý và cả năm, cần vào kế hoạch kinh doanh ngay từ đầu năm để sản xuất, dự kiến nguồn nguyên liệu nhập là tôm sú nhằm cung cấp cho sản xuất, làm các sản phẩm ký các hợp đồng xuất khẩu trong năm 2015 và các năm tiếp theo, mặt khác chỉ đạo Ban điều hành các Xí nghiệp, lãnh đạo các Phòng ban trực thuộc, cần có kế hoạch công tác trong vị trí nhân sự phù hợp và đảm bảo hoàn thành các kế hoạch do Lãnh đạo Công ty giao cho từng năm; Phát động các phong trào thi đua và nâng cao ý thức trách nhiệm trong từng công việc, nhằm góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh trong kinh doanh và vị trí sản phẩm UTXICO trên thị trường các nước.

Các chỉ tiêu chính tiêu trưng năm mà Hội đồng quản trị giao cho Ban điều hành Công ty thực hiện trong năm 2015, bao gồm:

✧ Khối lượng sản xuất:	8.500 tấn thành phẩm;
✧ Doanh thu xuất khẩu:	80,000,000 USD;
✧ Doanh thu hàng nội địa:	50 triệu đồng;
✧ Tổng doanh thu:	1.750 triệu đồng;
✧ Lợi nhuận sau thuế dự kiến:	Tối thiểu 15 triệu đồng;
✧ Lãi cố định trên chi phí dự kiến:	500 triệu đồng;
✧ Lợi tức dự kiến chia trong năm 2015:	Tối thiểu 5 triệu đồng 7%.

Nhìn lại trong suốt nhiệm kỳ qua, tập thể Hội đồng quản trị Công ty đã thể hiện sự cố gắng trong trách nhiệm của mình theo sứ mệnh và kế hoạch của công ty và sản phẩm phát triển của doanh nghiệp; Hội đồng quản trị đã thể hiện vai trò chỉ đạo và điều hành Ban điều hành Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, luôn vì lợi ích cao nhất của công ty lên trên hết, áp dụng tinh thần của công ty vào Hội đồng quản trị trong thời gian vừa qua. Thay mặt Hội đồng quản trị, chúng tôi xin cảm ơn toàn thể quý công ty, Ban Kiểm soát Công ty, Ban điều hành và tập thể CBCNV Công ty Út Xi đã tin tưởng, hỗ trợ và giúp chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình mà Nghị quyết Hội đồng Công ty hàng năm giao cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện.

Chúng tôi tin tưởng rằng, trong kế hoạch Hội đồng Công ty hàng năm năm 2015, sự bầu chọn ra các thành viên trong Hội đồng quản trị khóa III, nhiệm kỳ 1, trình, kinh nghiệm nhằm phát huy tốt nhất vai trò của mình, trong vị trí đi đầu cho Công ty,





chính và giám sát xuyên suốt quá trình thực hiện kế hoạch theo phương hướng kế hoạch trong từng năm, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho các công đồng và cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

### III. Báo cáo của Ban giám đốc:

#### 1. Phân tích hoạt động năm 2014:

- Năm 2014 tiếp tục là năm gặp nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản, do sự sụt giảm các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho nhu cầu sản xuất bình thường theo chiều hướng tiêu cực; năm qua kinh tế thế giới chậm phát triển cùng với chính sách bảo hộ sản xuất các ngành sản phẩm, tạo nhiều rào cản kỹ thuật, đặc biệt là chính sách bảo trợ cho nhà xuất khẩu, như chính sách chống phá giá, tăng cường kiểm soát môi trường sinh, kháng sinh; trong khi đó nguồn nguyên liệu cung cho chăn nuôi gặp khó khăn lớn trong đó là tôm sú giảm sản lượng do thời tiết mùa trên diện rộng, nguồn nguyên liệu thay thế là tôm thẻ nhái dao động thất thường; lãi suất ngân hàng vẫn còn mức cao cùng với việc mất sự tin cậy tín dụng, ngân hàng thất thu tín dụng rút vốn vay các doanh nghiệp, trong đó Công ty Út Xi bị rút vốn hơn 200 triệu đồng; Chính các yếu tố đã dẫn đến việc khó khăn trong việc hoàn thành kế hoạch trong năm 2014.
- Trong năm 2014, doanh thu thuần đạt 1.368,1 triệu đồng tăng 72,38% kế hoạch (1.890 triệu đồng KH), giảm 20,92% so với doanh thu thực hiện năm 2013 (1.730,2 triệu đồng). Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty là 11 tỷ 909 triệu đồng, tuy chỉ đạt gần 40% kế hoạch năm 2014, nhưng lợi nhuận 38,09% so với lợi nhuận thực hiện năm 2013 (tăng 8 tỷ 624 triệu đồng).
- Tổng giá trị tài sản tính đến hết ngày 31/12/2014 là 1.174,7 triệu đồng, giảm 15,54% so với cuối năm 2014 (1.391,8 triệu đồng).

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

##### 2.1. Tình hình chung:

Ngày đầu năm 2014, sự sụt giảm các doanh nghiệp thủy sản trên toàn bàn Tỉnh Sóc Trăng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là: thiếu nguồn nguyên liệu khan hiếm, giá tăng đột biến – ảnh hưởng tiêu cực lao động thiêu thớt cách trầm trọng, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp khi vào vụ mùa. Nhận thấy tình hình khó khăn trên, tập thể Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thủy sản Út Xi đã cố gắng vượt qua những khó khăn, chú ý sâu sát các nhiệm vụ đặc biệt là đẩy nhanh thúc đẩy công tác sản xuất kinh doanh, bao gồm:

- Việc huy động nguồn nguyên liệu cung cho sản xuất: Công ty đã cố gắng huy động nguồn nguyên liệu thông qua các hợp đồng tiêu thụ thủy sản ký với các trang trại, hộ nuôi tôm thương phẩm năm 2014 và hợp đồng với các doanh nghiệp các Tỉnh lân cận cùng cấp, ít nhiều có thể mở rộng nguồn nguyên liệu cung cho sản xuất; tuy nhiên về giá nguyên liệu: do nhu cầu thị trường, đặc biệt là, nguồn nguyên liệu đã ảnh hưởng đến các vụ nuôi, sản lượng thu hoạch thấp nên giá nguyên liệu không thể giảm chi hướng tiêu cực, dù



này đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả mang lại trong sản xuất kinh doanh; đáng kể nhất là nguồn nguyên liệu tôm sú, mặt hàng chính có giá trị xuất khẩu mang lại hiệu quả cao trong năm nay của Công ty đã không ổn định về số lượng, chất lượng và size cỡ, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận mang lại cho năm nay trong năm qua.

- Về lực lượng lao động: như các năm trước đây do sau Tết nguyên đán, lao động làm việc thiếu hụt tạm thời nên kéo dài nhiều tháng trong mùa vụ, bên cạnh việc hình thức tuyển dụng các chính sách thu hút lao động, ít nhất Công ty cũng tạm thời khắc phục các khó khăn về lao động trong những tháng đầu năm để phục vụ cho yêu cầu sản xuất.

- Về nguồn vốn: do ảnh hưởng từ việc mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn quốc nên ngân sách toán, nên các tài chính tín dụng đã rút vốn từ nhiều doanh nghiệp trong đó có Công ty Út Xi, cùng với lãi suất ngân hàng vốn còn cao, các yếu tố này đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm; Lãnh đạo Công ty đã phải nỗ lực vận động bên ngoài nhiều cách nhằm huy động các nguồn vốn từ trung tâm cho thu mua nguyên liệu cung cấp cho sản xuất, đảm bảo duy trì sản xuất ổn định và thực hiện theo kế hoạch các ngành hàng đã ký trong năm 2014.

## 2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

Trong năm 2014 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt các kết quả sau:

- 1/- Sản xuất: Tổng công suất bình quân hàng năm là: **7.052** tấn, trong đó:
  - Xí nghiệp Hoàng Phụng: **3.241** tấn / - Xí nghiệp Hoàng Phong: **3.811** tấn
- 2/- Hàng nhập khẩu:
  - Tổng lượng hàng bán: 89 tấn.
  - Giá trị hàng bán: 16 tỷ 720 triệu USD;
  - Thị trường tiêu thụ: Sóc Trăng và các tỉnh Miền Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3/- Xuất khẩu:
  - + Tổng lượng hàng xuất khẩu: **5.154** tấn
  - + Giá trị kim ngạch xuất khẩu: **63,802,202 USD** (t 75,06% kế hoạch).
- 4/- Thị trường xuất khẩu trong năm 2014.

Các thị trường nhập khẩu bao gồm: Miền Bắc 48,73% giá trị xuất khẩu của Công ty, Miền Trung 17,73%; Miền Nam 15,80%; Trung Quốc: 12,78%; Hồng Kông: 0,73%, Hàn Quốc: 0,19% và Thị trường khác chiếm 3,05%.

### 5/- Kết quả thực hiện trong năm 2014:

Tổng doanh thu thuần:	1.368 tỷ 088 triệu USD
Tổng chi phí:	1.351 tỷ 333 triệu USD, trong đó:
▪ Chi phí thu nhập:	3 tỷ 370 triệu USD;
Lợi nhuận sau thuế:	11 tỷ 909 triệu USD;
Lãi ròng trên chi phí:	404.



### 3. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

Căn cứ chỉ tiêu của Hội đồng quản trị Công ty giao, Ban điều hành dự kiến kế hoạch thực hiện công tác sản xuất kinh doanh trong năm 2015 với các chỉ tiêu như sau:

Khối lượng sản xuất:	8.500 tấn thành phẩm;
Doanh thu xuất khẩu:	80.000.000 USD;
Doanh thu hàng nội địa:	50 triệu đồng;
Tổng doanh thu:	1.750 triệu đồng;
Lợi nhuận sau thuế:	Từ 15 đến 20 triệu đồng;
Lãi cố định trên chi phí:	500 đồng.

Để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch trên trong năm 2015, Ban điều hành cần tập trung thực hiện các mặt công tác như sau:

Trên đây là báo cáo tài chính năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015.

#### Kế hoạch thực hiện:

##### \*. Về Kế hoạch huy động nguồn vốn, phân bổ cho yêu cầu phát triển Công ty:

- Căn cứ theo kế hoạch kinh doanh năm 2014 của Hội đồng quản trị thông qua sự trình bày của Hội đồng công đồng thông qua vào ngày 25/04/2014, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát huy động nguồn vốn nội địa và tài trợ, cần vận dụng các kho vay tín dụng ở các Ngân hàng và tổ chức tín dụng khu vực tỉnh Sóc Trăng đồng ý trên kế hoạch, sự góp phần vào công tác thu mua nguyên liệu đáp ứng nhu cầu kế hoạch chi tiêu và xuất khẩu trong năm 2015.

##### \*. Công tác sửa chữa, bảo trì công tác thiết bị và kiểm soát chi phí sản xuất:

- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ sắp xếp thiết bị máy quản lý sản xuất cho phù hợp với tình hình phát triển mới. Tình hình máy quản lý, bố trí phù hợp vị trí trong hoạt động sản xuất hàng quản trị hiệu quả trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ cho hoạt động sản xuất, chính nhân viên lãnh phí không cần thiết tăng cường nâng cao công tác quản lý sản xuất mang lại lợi ích cho công ty, góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2015 của Hội đồng công đồng thông qua.

##### \*. Tăng sản lượng, tăng mặt hàng và thị trường xuất khẩu, tiếp tục triển khai kế hoạch tiêu thụ sản phẩm UTXICO thị trường nội địa:

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung các thị trường phân phối trong dây chuyền sản xuất của Xí nghiệp Hoàng Phong và XN Hoàng Phong, nhằm đáp ứng yêu cầu vận chuyển sản phẩm



phẩm và tăng năng suất công nghệ sản xuất, nâng thị trường xuất khẩu bình định hàng năm theo yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Mục tiêu thị trường tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu UTXICO ngay thị trường nội địa. Qua các năm doanh thu nội địa tăng rầm rộ, cùng với các thị trường như trên doanh thu khá cao (tăng 10% đến 15%) và ít rủi ro. Nó sẽ góp phần rất lớn trong tăng thu nhập của Công ty trong khai thác thị trường này.
- Mục tiêu thị trường xuất khẩu: Ngoài những thị trường truyền thống hiện nay như: Nhật, các nước Châu Âu, Úc – Công ty đang hướng ra thị trường các nước Đông Âu, Châu Á, Trung Quốc và các nước Ráp – đả trên sản phẩm đã đăng, chất lượng và sản xuất xuất khẩu của Công ty trong tương lai. Tăng cường hợp tác với các sản phẩm sang thị trường Mỹ, do thị trường này có tác động là Công ty T&T sẽ thực hiện các tiêu thụ sản phẩm UTXICO tại các siêu thị, Nhà hàng, v.v. tại Hoa Kỳ.

**\*. Xây dựng vùng nguyên liệu và thu mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất:**

- + Tập trung vào các vùng nuôi hiện nay do Phòng quản lý theo dõi quản lý, xây dựng các ao nuôi thí điểm: phục vụ cho việc áp dụng các tiêu chuẩn GAP cho vùng nuôi.
- + Liên kết 3 nhà: Hộ nuôi tôm – Ngân hàng – Công ty, trong đó: Ngân hàng sẽ tiếp cận với các hộ nuôi tôm, thông qua giới thiệu của Công ty, sau khi thẩm định hồ sơ và văn bản, thanh toán, con giống (có chứng nhận), Công ty thực hiện kiểm tra các hộ nuôi tôm và hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật - thực hiện thu mua sản phẩm; các hộ nuôi ao nuôi, trực tiếp nuôi tôm và có nghĩa vụ hoàn vốn và lãi cho Ngân hàng.
- + Tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, nhằm nâng cao khả năng thị trường xuất khẩu kháng sinh theo quy định, kiểm soát hàm lượng Ethoxyquin trên thị trường Nhật và các thị trường khó tính khác.
- + Dự kiến tình hình thị trường nguồn nguyên liệu chính là: tôm sú do mùa vụ và sự giảm giá 70% diện tích ao nuôi tôm sú trong năm chuyển sang nuôi tôm thẻ; Công ty sẽ có kế hoạch chuyển đổi sang mô hình nguyên liệu khác như: tôm thẻ, các loại tôm bình, thông qua việc triển khai các mô hình sản phẩm mới theo nguồn nguyên liệu đã chuyển đổi, chào hàng và nhận các hợp đồng mua bán từ phía khách hàng, trên cơ sở đi đến Công ty sẽ ký hợp đồng với mô hình và khu vực miền trung cung cấp nguyên liệu cho Công ty trong thời gian tới.

Những khó khăn từ các khó khăn kinh tế thế giới vẫn còn, các khó khăn trong công nghiệp Châu Âu vẫn còn, công ty chúng ta sẽ còn khó khăn trong năm 2015. Nó sẽ tác động trực tiếp đến quá trình phát triển công nghệ kết hợp sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Những sản phẩm và quy trình cao cấp hiện nay quản lý, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, công ty sẽ và vượt khó khăn đã qua.

**IV. Báo cáo tài chính năm 2014:**



Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kế toán Phía Nam (AASCS):

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI** Báo cáo tài chính  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### Công ty

Công Ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5903200042 cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ mười lăm ngày 27/08/2013 số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 295.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ:
- Xi nghiệp nuôi trồng thủy sản Út Xi	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp kho vận Hoàng Nhã	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 11.909.648.451 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.624.846.051 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 16.645.647.092 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 20.779.725.550 VND).

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trong yêu cầu xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Nguyễn Triệu Dũng	Chủ tịch
Ông :	Trương Trí Linh	Thành viên
Ông :	Trương Văn Phước	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
Bà :	Mai Thị Hồng Nga	Thành viên
Bà :	Lý Bích Quyên	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Bà :	Lý Bích Quyên	Tổng Giám đốc
Ông :	Trương Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Hoàng Nhã	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Trần Văn Bửu	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Lê Thanh Sơn	Thành viên BKS

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trấn Yên, Sóc Trăng

Hạo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan, hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 03 năm 2015



Thầy mới Hội đồng Quản trị  
 Hội đồng Quản trị

Nguyễn Triệu Đông

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc  
 Tổng Giám đốc

Lý Bích Quyền





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
 SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số **24/BCKT/TC**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo Tài chính năm 2014  
 của Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi*

**Kính gửi:** - **Cô đồng Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**  
 - **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**  
 - **Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi được lập ngày 03/03/2015 từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm: thực hiện cao thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3, năm 2015*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
 Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**  
**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Khắc Thanh**

**Kiểm toán viên**

*Dương Thị Quỳnh Hoa*

**Dương Thị Quỳnh Hoa**

Số giấy CNEKHN KTV: 0424-2013-142-1

Số giấy CNDKHN KTV: 0064-2013-142-1



29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City  
 Tel: (84) 3820 5944 - (84) 3820 5947 - Fax: (84) 3820 5942  
 Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 - 150)</b>	<b>100</b>		<b>928.591.040.815</b>	<b>1.090.483.903.780</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>2.035.698.176</b>	<b>6.498.098.786</b>
1. Tiền	111		2.035.698.176	6.498.098.786
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>58.726.762.109</b>	<b>59.091.762.109</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		58.726.762.109	59.091.762.109
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>258.034.078.057</b>	<b>377.108.552.848</b>
1. Phải thu khách hàng	131		143.610.868.488	262.437.261.608
2. Trả trước cho người bán	132		71.881.204.186	95.244.051.041
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo hợp đồng kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>3</b>	42.758.405.974	25.711.927.148
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(6.219.400.591)	(6.284.686.949)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>600.843.527.866</b>	<b>611.552.947.388</b>
1. Hàng tồn kho	141		600.843.527.866	611.552.947.388
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.950.974.607</b>	<b>36.202.542.649</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	146.206.053
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.534.724.501	27.897.253.121
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	<b>5</b>	320.470.173	1.723.807.570
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>6</b>	5.095.769.933	6.435.275.805
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>246.109.215.125</b>	<b>301.348.833.205</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trảng Bàng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>244.143.615.263</b>	<b>269.473.567.361</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	193.963.406.515	223.594.605.416
- Nguyên giá	222		355.784.909.818	357.384.478.877
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(156.821.503.303)	(133.789.813.466)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	35.896.603.051	35.921.400.241
- Nguyên giá	228		36.134.964.313	36.134.964.313
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.361.262)	(213.564.072)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	9.283.603.597	9.957.501.704
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>856.292.683</b>	<b>31.219.512.195</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	856.292.683	31.219.512.195
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.109.307.179</b>	<b>655.753.649</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.052.543.251	655.753.649
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	56.763.928	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.174.700.255.940</b>	<b>1.391.802.736.985</b>

03/05/2015  
 CÔNG  
 TRƯỞNG  
 DỊCH VỤ T  
 TÀI CHÍNH K  
 VỊ KẾM  
 THÁI N  
 7. 7P. 14



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>812.211.045.850</b>	<b>1.025.610.690.740</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>724.327.014.276</b>	<b>918.686.771.335</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	675.777.762.246	854.125.896.075
2. Phải trả người bán	312		24.658.623.409	40.187.186.653
3. Người mua trả tiền trước	313		3.512.187.333	1.213.267.354
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.369.864.948	3.003.772.401
5. Phải trả công nhân viên	315		2.704.409.000	2.997.432.740
6. Chi phí phải trả	316	15	1.337.824.399	1.663.526.226
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	11.859.971.065	2.202.514.626
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	323	19.5	1.106.371.876	3.293.175.270
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>87.884.031.574</b>	<b>106.923.919.405</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	87.884.031.574	106.894.031.574
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	18	-	29.887.831
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>362.489.210.090</b>	<b>366.192.046.245</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>362.489.210.090</b>	<b>366.192.046.245</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.000.000.000	295.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		44.733.727.273	44.733.727.273
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		734.574.319	734.574.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.075.261.406	4.944.019.103
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-



### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.645.647,092	20.779.725,550
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.174.700.255.940</b>	<b>1.391.802.736.985</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vốn tư, hàng hóa, nhân giữ hộ, nhân gia công			
3. Hàng mua nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		39.404,92	55.829,44
- EUR		219,26	230,18
- CAD		-	192,20
- AUD		237,47	237,47
- JPY		340.137,00	65.482,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lên ngày 05 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhơn

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Lý Bích Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
Số 24, đường tỉnh 934, xã Tàì Vn, huyện Trà Nô, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.403.343.109.606	1.755.677.624.229
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		35.254.205.871	25.463.377.424
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.368.088.902.735	1.730.212.046.805
4. Giá vốn hàng bán	21	1.207.212.403.236	1.557.616.416.855
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.876.499.499	172.595.599.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	11.681.634.139	18.071.020.608
7. Chi phí tài chính	22	82.887.064.858	100.853.757.220
+ Trong đó: chi phí lãi vay		61.178.130.406	79.302.794.290
8. Chi phí bán hàng		63.209.151.541	67.524.494.050
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.706.036.897	10.302.226.431
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.755.980.332	11.985.142.850
11. Thu nhập khác	20.3	1.304.551.884	2.182.446.763
12. Chi phí khác	23	2.856.557.463	3.120.615.101
13. Lợi nhuận khác		(1.562.105.579)	(958.168.338)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.193.774.753	11.046.974.512
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	3.370.778.061	2.387.984.864
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25	(86.651.750)	34.143.590
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.909.648.451	8.624.846.054
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27		292

Lập, ngày 03 tháng 03 năm 2015

Người lập báo

Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng

Hồ Thành Nhơn

Tổng Giám đốc



Lý Bích Quyền



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.508.070.580.341	1.712.681.682.715
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.227.806.911.218)	(1.552.316.915.277)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(62.719.387.915)	(62.348.837.304)
4. Tiền chi trả lãi vay		(54.176.414.423)	(77.775.824.618)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(743.719.608)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		321.337.425.558	116.441.229.783
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(288.470.154.577)	(71.193.688.719)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>196.744.837.906</b>	<b>64.743.926.970</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.175.720.974)	(467.822.046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		645.454.645	1.645.272.723
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.940.000.030)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.070.503.000	17.861.676.539
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>15.540.232.671</b>	<b>12.099.127.220</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.958.728.157.436	2.284.125.692.736
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.154.262.016.220)	(2.359.676.367.924)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.215.216.776)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(216.749.075.560)</b>	<b>(75.550.675.188)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(4.464.004.983)</b>	<b>1.292.379.002</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.498.098.786	5.203.440.434
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.604.373	2.279.350
Tiền và tương đương tiền cuối năm		2.035.698.176	6.498.098.786

Lập, ngày 03 tháng 04 năm 2015

Người lập báo

Võ Quốc Hình

Kế toán trưởng

Đỗ Thanh Nhơn

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc

Lý Bích Quyên





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

**Công Ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi** được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5903000042 cấp lần đầu ngày 15/05/2006 và thay đổi lần thứ mười lăm ngày 27/08/2013 số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 295.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Bán buôn thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cho thuê xe cơ động cơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn rau, quả;
- Bán buôn thực phẩm và nguyên liệu làm thực phẩm gia súc, gia cầm và thủy sản.

### **II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

#### **1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### **2.1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

##### **2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đề ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### **2.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

#### **3. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

### ***Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền***

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có niên hạn rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### ***Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác***

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính (Xử lý theo chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002).

### **3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị hàng tồn kho thành phẩm cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	05 - 25 năm

### **3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày cấu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần túy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

**Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

### **3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, từ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### **3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ đến các kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất, dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để căn hao khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2014

**3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyết kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (?) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÝT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tàì Vn, huyện Tr n Đ, Sóc Tr ng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

### **3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **3.14. Công cụ tài chính**

#### **3.14.1. Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### **3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lễ nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân tích theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị báo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường số 934, xã Tài Vấn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị (tính VND)

### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	571.066.256	4.632.102.126
Tiền gửi ngân hàng	1.464.631.920	1.865.996.660
Tiền gửi VND	556.329.740	663.619.243
Tiền gửi ngoại tệ	908.302.180	1.202.377.417
Các khoản tương đương tiền		

**Ghi chú:**

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014 khớp với biên bản kiểm kê thực tế.
- Tiền gửi Ngân hàng trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

<b>Tổng cộng</b>	<b>2.035.698.176</b>	<b>6.498.098.786</b>
------------------	----------------------	----------------------

### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND		01/01/2014 VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		-		-
- CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)		-		-
Trong đó:				
+ Trái phiếu NH NN&PT NN VN-CN Sóc Trăng		-		-
+ Trái phiếu Tổng Cty Tài Chính Đầu KH VN		-		-
- CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)		-		-
<b>2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)</b>		-		-
<b>2.3 Đầu tư ngắn hạn khác:</b>		<b>58.726.762.109</b>		<b>59.091.762.109</b>
2.3.1 Đầu tư ngắn hạn khác (trái tòm)		58.726.762.109		59.091.762.109
Trong đó:				
+ Công ty TNHH Thanh Bình		10.789.762.223		10.789.762.223
+ Huỳnh Thị Mai		1.000.000.000		1.000.000.000
+ ENTN Phương Hà		4.153.331.767		4.153.331.767
+ Trần Đức Hợp		50.737.951		50.737.951
+ Trần Văn Chiêu		227.564.792		227.564.792
+ DNTN Vĩnh Thịnh		4.422.878.688		4.422.878.688
+ Nguyễn Văn Hải		3.255.375.000		3.255.375.000
+ Lâm Hoàng Khiêm		4.622.325.000		4.622.325.000
+ Lê Tuấn Kiệt		4.510.267.500		4.510.267.500
+ Võ Văn Sáng		4.667.800.000		4.667.800.000
+ Lê Hoàng Lâm		318.591.147		318.591.147
+ Nguyễn Văn Lực		226.166.504		226.166.504
+ Hòa Long Anh		2.773.250.000		2.998.250.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

	6.940.000.000	6.940.000.000
+ Các đối tượng khác	8.768.710.537	8.768.710.537
2.3.5. Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	-	-
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.726.762.109</b>	<b>59.091.762.109</b>
 <b>3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>		
	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>42.758.405.974</b>	<b>25.711.927.148</b>
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	42.758.405.974	25.711.927.148
<i>Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2014 là:</i>		
- Bà Huỳnh Thị Mai	4.510.593.505	
- Ông Lâm Hoàng Khiêm	1.772.148.045	
- Ông Lê Hoàng Nam	1.384.253.251	
- Ông Lê Tuấn Kiệt	1.729.156.445	
- Ông Nguyễn Văn Hải	2.214.852.383	
- Ông Nguyễn Văn Xem	1.977.540.939	
+ ENTN Phương Hòa	1.593.091.251	
+ Công Ty TNHH Thanh Bình	4.136.675.335	
+ Công Ty TNHH MIV Ty Khang	14.470.000.000	
+ ENTN Vĩnh Thiach	1.596.911.123	
+ Ông Võ Văn Sáng	1.812.583.988	
+ Nguyễn Kim Hồng Đào	1.750.000.000	
+ Công Ty CP ĐT&PT Hà Th; Dầu Khí Cửu Long	900.000.000	
+ Các đối tượng khác	3.110.535.711	
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.758.405.974</b>	
 <b>4. HÀNG TỒN KHO</b>		
	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	869.121.484	2.216.718.147
- Công cụ, dụng cụ	4.557.904.441	6.418.179.649
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.368.481.999	8.108.871.079
- Thành phẩm	590.038.019.942	594.809.178.715
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>600.843.527.866</b>	<b>611.552.947.388</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 534, xã Tài Văn, huyện Trần Bình, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	320.470.173	1.723.807.670
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	31.220.600	31.220.600
+ Thuế nhập khẩu	285.491.875	1.692.587.070
+ Thuế TNCN	3.757.698	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>320.470.173</b>	<b>1.723.807.670</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được gia: thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được tính bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 6. TÀI SẢN NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>6.1. Tài sản thiếu chờ xử lý</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6.2. Tiền ứng</b>	<b>352.083.518</b>	<b>374.408.518</b>
Trong đó:		
+ TS Quốc Bảo	-	-
+ Lãi lợ) Dự/án	18.500.000	18.000.000
+ Nguyên Văn Lưu	70.538.518	70.538.518
- Lãi Thanh Sơn	75.500.000	81.500.000
- Hòa Thành	150.000.000	110.000.000
+ Các đối tượng khác	37.743.000	74.070.000
<b>6.3. Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</b>	<b>4.743.686.415</b>	<b>6.060.867.287</b>
Trong đó:		
Ký quỹ tại Ngân hàng Ngoại thương Sóc Trăng (289.118,81 USD)	4.743.686.415	6.060.867.287
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.095.769.933</b>	<b>6.435.275.805</b>



Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
Số 24, đường 934, phường Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Tr n, Sóc Tr ng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị vận phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>							
1. Số dư đầu năm	174.767.450.640	156.959.207.587	17.452.460.294	2.313.832.579	5.881.527.722	357.384.478.822	
2. Số tăng trong năm	-	523.000.000	-	576.716.836	-	1.099.716.836	
<i>Bao gồm:</i>							
- Mua trong năm	-	523.000.000	-	-	-	523.000.000	
- Đầu tư XÚCN hoàn thành	-	-	-	576.716.836	-	576.716.836	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
3. Số giảm trong năm	-	2.630.577.200	-	68.708.640	-	2.699.285.840	
<i>Bao gồm:</i>							
- Thoả lý, nhượng bán	-	2.630.577.200	-	68.708.640	-	2.699.285.840	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
4. Số dư cuối năm	174.767.450.640	154.851.630.387	17.452.460.294	2.831.840.775	5.881.527.722	355.784.909.818	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu năm	53.162.915.305	64.939.552.328	10.468.305.475	1.738.095.349	3.430.944.679	133.789.813.406	
2. Khoản hao trong năm	10.339.891.467	11.669.413.859	1.882.097.537	236.442.884	533.651.655	24.661.497.602	
<i>Bao gồm:</i>							
- Khoản hao tăng trong năm	10.339.891.467	11.669.413.859	1.882.097.537	236.442.884	533.651.655	24.661.497.602	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
3. Giảm trong năm	-	1.574.848.555	-	54.959.150	-	1.629.807.705	
<i>Bao gồm:</i>							
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.574.848.555	-	54.959.150	-	1.629.807.705	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
4. Số dư cuối năm	63.502.806.972	75.034.116.902	12.350.403.012	1.919.579.083	4.014.597.334	156.821.502.303	
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>							
1. Tại ngày đầu năm	121.604.535.335	92.019.655.189	6.984.154.819	585.737.230	2.400.583.043	223.594.665.416	
2. Tại ngày cuối năm	111.264.643.668	79.817.513.485	5.102.057.282	912.261.692	1.866.930.388	198.963.406.515	

ĐÓNG SÓI  
CHỮ  
TRÁCH MIỆ  
BÊN VU  
HỮU CHỨC  
VÀ KIỂM  
KIỂM  
PHIẾ





Hào cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
Số 24, đường 934, xã Phú Yên, huyện Tầm Đê, Sóc Trăng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**8. LÃNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
1. Số dư đầu năm	35.882.605.861	144.353.452	-	108.000.000	36.134.964.313
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	35.882.605.861	144.353.452	-	108.000.000	36.134.964.313
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	-	116.364.072	-	97.200.000	213.564.072
2. Khấu hao trong năm	-	13.957.190	-	10.800.000	24.797.190
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	-	13.997.190	-	10.800.000	24.797.190
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	130.361.262	-	108.000.000	238.361.262
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>					
1. Tại ngày đầu năm	35.882.605.861	27.994.380	-	10.800.000	35.921.400.241
2. Tại ngày cuối năm	35.882.605.861	13.997.150	-	-	35.896.603.051





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Chi phí XDCB dở dang	9.283.605.697	9.304.776.730
<i>Trong đó, những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Xi Nghiệp Nuôi Trồng	-	21.171.033
+ Văn phòng công ty	9.283.605.697	9.283.605.697
- Mua sắm tài sản cố định	-	652.724.914
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.283.605.697</b>	<b>9.957.501.704</b>

### 10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND		01/01/2014 VND	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
Cty CP ĐT& PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long (bị lệ góp vốn đến ngày 31/12/2014 là 0,51%)	87.770	856.292.683	3.200.000	31.219.512.195
		<b>856.292.683</b>		<b>31.219.512.195</b>

**Ghi chú:**

Trong năm 2014, Công ty đã bán bớt cổ phiếu sở hữu trong Công ty CP ĐT&PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 0,51%.

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Chi phí CCDC xuất đúng có giá trị lớn	302.080.379	655.753.649
- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa	230.571.947	-
- Chi phí khác	519.890.925	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.052.543.251</b>	<b>655.753.649</b>

### 12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	56.763.928	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được giải nhận từ các năm trước	-	(6.255.763)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>56.763.928</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>13.1. Vay ngắn hạn</b>	<b>675.777.762.246</b>	<b>864.125.896.075</b>
- Vay ngân hàng	117.253.590.580	187.603.422.960
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	1.750.000.000	9.459.713.525
Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn	-	7.763.712.435
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng	1.805.000.000	2.500.500.000
CN Ngân Hàng Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	54.749.590.580	123.900.500.000
Ngân Hàng Phát Triển Nhà DBSCL - CN Sóc Trăng	43.954.000.000	47.990.500.000
- Vay ngân hàng hàng ngoại tệ	563.524.171.666	676.522.473.115
Ngân Hàng HSBC (USD)	-	38.338.593.828
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng (USD)	77.195.951.796	76.219.433.988
Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn (USD)	250.171.002.000	294.651.252.000
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng (USD)	156.335.397.570	217.773.413.299
Ngân Hàng Đại Chung - Chi nhánh Cần Thơ (USD)	49.521.870.000	49.532.780.000
- Vay đối tượng khác	-	-
<b>13.2. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>675.777.762.246</b>	<b>864.125.896.075</b>

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>14.1. Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>3.369.864.948</b>	<b>3.003.772.401</b>
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	2.822.943.518	2.859.389.655
- Thuế tài nguyên	4.572.000	4.060.800
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuế đất	-	-
- Các loại thuế khác	542.349.400	130.321.946
- Thuế thu nhập cá nhân	-	82.719.230
- Các loại thuế khác	542.349.400	47.611.716
<b>14.2. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.369.864.948</b>	<b>3.003.772.401</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Trích chi phí lãi vay	1.337.824.399	1.663.526.226
- Trích trước chi phí khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.337.824.399</b>	<b>1.663.526.226</b>

### 16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT, BHXH, BHTN	1.225.272.612	617.790.604
- KPCĐ	93.064.670	120.667.602
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.541.633.783	1.464.056.430
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.859.971.065</b>	<b>2.202.514.636</b>

Chỉ tiêu số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2014 là:

+ Cổ tức phải trả	4.386.630.674
+ Công ty TNHH Vĩnh Phú	2.956.000.000
+ Thù lao HĐQT và ĐKS	737.000.000
+ Nguyễn Thị Thanh Thủy	1.808.115.626
- Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Sao Sài Gòn	343.000.000
- Công ty TNHH Phú Quý	55.000.000
+ Các đối tượng khác	261.897.483
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.541.633.783</b>

### 17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>17.1. Vay dài hạn</b>	<b>87.884.031.574</b>	<b>106.894.031.574</b>
- Vay ngân hàng	87.884.031.574	106.894.031.574
+ Ngân Hàng Ngoại Thương Tỉnh Sóc Trăng	17.894.031.574	29.394.031.574
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sóc Trăng	69.990.000.000	77.500.000.000
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trại phiếu phát hành	-	-
<b>17.2. Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Thuế tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.884.031.574</b>	<b>106.894.031.574</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

**Ghi chú:**

*Khoản vay dài hạn được thực hiện theo hợp đồng số 198/NHTMCPNT ngày 09/6/2011 với mục đích vay vốn là thanh toán các chi phí hợp tác, hợp lý để đảm bảo dự án "Cải tạo, nâng cấp Nhà máy Chế biến Thủy sản Hoàng Hương". Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 19%/năm, bên vay đứng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình hoặc tài sản làm thành tài sản vay để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại hợp đồng vay này. nợ gốc được thanh toán 03 tháng/lần.*

**18. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	83.137.941
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(29.887.831)	(53.250.110)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	-	<b>29.887.831</b>





Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

19.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cố phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	295.000.000,000	44.733.727,273	-	734.574.319	4.944.019,103	20.779.725,550
- Tăng trung năm	-	-	-	-	431.242,303	11.909.648,451
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	431.242,303	11.909.648,451
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	16.043.726,909
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại hội ĐHCĐ	-	-	-	-	-	1.293.726,909
- Quỹ Điều tư phát triển	-	-	-	-	-	-
- Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	431.242,303
- Quỹ Khấu hao công trình/ tài	-	-	-	-	-	562.457,606
- Nguồn vốn đầu tư XDCE	-	-	-	-	-	-
- Chia trả cổ tức	-	-	-	734.574.319	-	14.750.000,000
- Số dư cuối năm	295.000.000,000	44.733.727,273	-	734.574.319	5.375.261,406	16.645.647,092

01/12/20  
CÔNG TY  
HỢNG HỢN  
H VU TƯ  
HINH KE  
KIEM TO  
HIA NAI  
28  
10



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 19.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	295.000.000.000	295.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	295.000.000.000	295.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	295.000.000.000	295.000.000.000

### 19.3. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

5%

không chia cổ tức

### 19.4. Cổ phiếu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.500.000	29.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.500.000	29.500.000
- Cổ phiếu thường	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu thường	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

### 19.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	734.574.319	734.574.319
- Quỹ dự phòng tài chính	5.375.261.406	4.944.019.103
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.105.271.876	1.295.175.270



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

**Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

**19.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:**

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Đè đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại diện chủ sở hữu.

**19.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để**

- Bổ sung vốn điều lệ của công ty;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

**19.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:**

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty;
- Tặng thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

**19.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:**

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- Chi cho các hoạt động phúc lợi cộng đồng của tập thể công nhân viên: Công ty, phúc lợi xã hội;
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

**20. DOANH THU**

Chi tiêu	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>20.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Tổng doanh thu	1.403.343.109.696	1.755.677.624.229
+ Doanh thu xuất khẩu	1.349.464.457.154	1.586.604.988.916
+ Doanh thu nội địa	16.725.518.967	62.528.237.191
+ Doanh thu khác - vô tống	1.875.003.180	2.917.792.990
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.278.130.295	3.626.605.132
- Các khoản giảm trừ doanh thu	35.254.206.871	35.465.577.424
+ Giảm giá hàng bán	1.963.681.277	137.504.884
+ Hàng bán bị trả lại	33.290.525.594	25.327.672.540
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	1.268.088.902.755	1.730.212.046.805
Trong đó:		
+ Doanh thu xuất khẩu	1.314.210.250.293	1.651.139.411.492
+ Doanh thu nội địa	16.725.518.967	62.528.237.191
+ Doanh thu khác - vô tống	1.875.003.180	2.917.792.990
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.278.130.295	3.626.605.132
<b>20.2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	11.681.634.159	18.070.020.608
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức	5.262.642.986	4.531.060.577
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.032.567.140	8.544.468.473
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	285.424.013	1.460.368.258
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.534.123.300
<b>20.3. Thu nhập khác</b>	1.304.551.884	2.182.446.763
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1.250.000.000	2.182.446.763
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác	54.551.884	-

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Giá vốn của thành phẩm	1.207.212.403.236	1.557.616.446.856
- Giá vốn của hàng hóa nội địa	-	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.207.212.403.236</b>	<b>1.557.616.446.856</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Chi phí lãi vay	51.178.130.406	79.302.794.296
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.787.909.310	21.550.962.930
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	285.819.640	-
- Lãi bán chứng khoán	14.637.205.512	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.887.064.868</b>	<b>100.853.757.226</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
Số 24, đường tỉnh 934, xã Tàt Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.069.478.135	3.120.615.101
- Phát chi nộp thuế	640.052.345	-
- Trả nợ lâu năm đã xử lý 2011	1.153.235.950	-
- Chi phí khác	23.891.033	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.866.657.463</b>	<b>3.120.615.101</b>

### 24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.370.778.061	2.387.984.864
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.370.778.061</b>	<b>2.387.984.864</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.193.274.753	11.046.974.512
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	1.510.676.396	626.599.260
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.510.676.396	626.599.260
- Thời gian, tương HĐQT	755.000.000	204.000.000
- Chi phí không hợp lý	471.856.756	57.847.435
- CLTG cuối kỳ	283.819.640	367.851.825
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	16.704.451.149	11.673.673.772
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%)	3.370.778.061	2.387.984.864
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	3.340.890.230	2.334.734.754
- Thuế TNDN hoãn lại năm trước trở thành đã thực hiện trong năm nay	29.887.831	53.250.110
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(86.651.759)	34.143.596
- Thuế TNDN hoãn lại năm trước hoãn nộp trong năm nay	(22.887.831)	(53.250.110)
- Thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(56.763.928)	57.395.704
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.909.548.451	8.624.846.054



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(56.763.928)	83.137.941
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(29.887.831)	4.255.763
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn chấp thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)	-	(53.250.110)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(86.651.759)</b>	<b>34.143.594</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi tiêu	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.042.482.794,462	1.344.202.522,974
2. Chi phí nhân công	68.248.944,234	60.241.761,875
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	24.686.294,792	25.097.250,388
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.728.140,852	140.534.697,966
5. Chi phí khác bằng tiền	5.253.468,408	1.461.709,105
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.227.399.642,748</b>	<b>1.571.540.942,312</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.909.648,451	8.624.846,054
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	11.909.648,451	8.624.846,054
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	29.500.000	29.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	404	292

**IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những thông tin tài chính khác**

Khoản vay dài hạn được thực hiện theo hợp đồng số 198/NH11MCPNT ngày 09/6/2011 với mục đích vay vốn là thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư dự án "Cải tạo, nâng cấp Nhà máy Chế biến Thủy sản Hoàng Phương". Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng, bên vay dùng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình hoặc tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại hợp đồng vay này. nợ gốc được thanh toán 03 tháng/lần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, Đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

### 2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty không có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

### 3. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán doanh thu bán hàng ở trong nước và xuất khẩu, do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Năm 2014	Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
+ Doanh thu thuần bán hàng	1.368.064.979.311	1.184.281.618.544	183.783.360.767
- Xuất khẩu	1.349.464.457.164	1.170.064.927.422	179.399.529.742
- Nội địa	18.725.518.967	14.216.691.123	2.508.827.845
- Và tôn	1.873.003.180	-	1.873.003.180
+ Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	35.278.130.295	22.930.784.692	12.347.345.603
- Cho thuê mặt bằng	35.278.130.295	22.930.784.692	12.347.345.603
<b>Cộng</b>	<b>1.403.343.109.606</b>	<b>1.207.212.403.236</b>	<b>196.130.706.370</b>

### 4. Tài sản và nợ phải trả tài chính:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên Công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày khoản mục này.

### 5. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

#### a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (câu yếu đối với các khoản phải thu, khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lợi tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng như cấu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lượng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Số 24, đường tỉnh 934, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>		<b>Cộng</b>
Phải trả cho người bán	40.187.186.653	40.187.186.653
Người mua trả tiền trước	1.213.267.334	1.213.267.334
Vay và nợ	854.125.896.075	106.894.031.574
Phải trả người lao động	2.997.432.740	2.997.432.740
Chi phí phải trả	1.663.526.226	1.653.526.226
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.202.514.636	2.202.514.636
<b>Cộng</b>	<b>912.389.823.664</b>	<b>1.019.283.855.238</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đầu hạn.

**f. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

**g. Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2014, Công ty có phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ nhưng sự thay đổi tỷ giá là không đáng kể.

**h. Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

**i. Độ nhạy của ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì Công ty cho rằng sự thay đổi của tỷ giá hối đoái là không đáng kể.

**j. Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

**g. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Người lập biểu

Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng

Đỗ Thanh Nhơn

Tổng Giám đốc



Lý Dịch Quyền

Ngày 03 tháng 03 năm 2015



## V. Báo cáo trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

### 1. Kiểm toán độc lập:

Tính cách chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2014:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**



Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 3 8205944; Fax: (84.8) 3 8205942;

Website: [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)

Xem chi tiết ý kiến của kiểm toán viên độc lập trình bày mục IV báo cáo tài chính và chấp thuận toàn phần báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

### 2. Kiểm toán nội bộ:

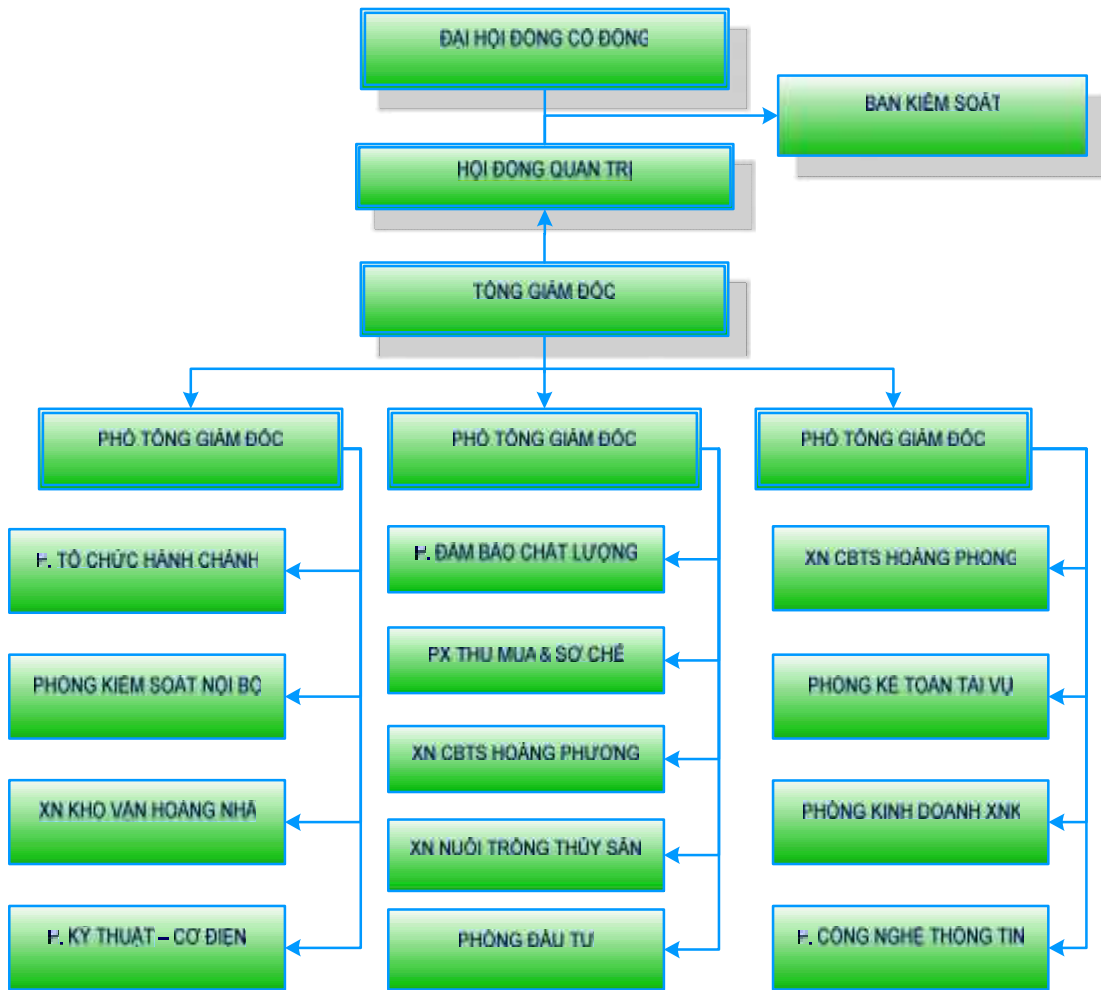
Kiểm toán viên nội bộ sau khi soát xét báo cáo tài chính do Phòng kế toán tài vụ lập gồm: Bảng cân đối kế toán tính ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 cùng nghĩa vụ tài sản luân chuyển trong năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam cho năm tài chính 2014.

Sau khi tham khảo ý kiến của kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ Công ty chấp thuận toàn phần báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam trình bày mục IV.

## VI. Các công ty có liên quan: Không.

## VII. Thành nhân sự:

Các chức vụ:



**Ban điều hành Công ty:**

- Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Triệu Dũng	Nam	1960	12/12	Sóc Trăng	CT.H QT
2	Trần Trúc Linh	Nam	1971	TC.QLNVGT	Bến Tre	Thành viên
3	Trần Văn Phúc	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
4	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
5	Mai Thị Hằng Nga	N	1978	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
6	Lý Bích Quyên	N	1980	CN kinh tế	Sóc Trăng	Thành viên
7	Nguyễn Hoàng Nhã	Nam	1984	CN QTKD	Sóc Trăng	Thành viên

- Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Trần Văn Bộ	Nam	1975	CN kinh tế	Hu Giang	Trưởng ban
2	Lê Thanh Sơn	Nam	1959	TC pháp lý	Hu Giang	Thành viên
3	Lê Phúc Sang	Nam	1979	CN Kinh tế	Tháp Mười	Thành viên



Ông Lê Phúc Sang thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010 – 2015, do giờ hoàn công gia đình nên có đơn xin thôi nhiệm kỳ ngày 04/01/2015.

**- Ban kiểm soát và kế toán trưởng:**

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Quê quán	Chức vụ
1	Lý Bích Quyên	N	1980	CN chuyên môn	Sóc Trăng	Trưởng kiểm soát
2	Trần Văn Phúc	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	PT kiểm soát
3	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	PT kiểm soát
4	Nguyễn Hoàng Nhã	Nam	1984	CN. QTKD	Sóc Trăng	PT kiểm soát
5	Thành Nhân	Nam	1978	CN kinh tế	Cà Mau	Kế toán trưởng

**\* Tóm tắt lý lịch các thành viên trong ban điều hành:**

**- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

**Họ và tên: NGUYỄN TRI U DŨNG**

Giới tính: Nam;

Ngày tháng năm sinh: 1960;

Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Địa chỉ thường trú: Số BD.01-03 KDC Minh Châu, P7, Tp. Sóc Trăng;

Liên hệ điện thoại: 079.3660656;

Trình độ chuyên môn: 12/12

Trình độ chuyên môn: CEO

Quá trình công tác:

- Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ: Trưởng trạm thu mua các huyện Long Mỹ, Thới Bình.

- 1994-02/2002: Phụ trách gia đình làm kinh doanh thương mại.

- T02/2002 - nay: Thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Việt Nam, T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam;

Hành vi vi phạm pháp luật: Không;

Quy định lợi ích mâu thuẫn với Cty: Không;





**Họ và tên: LÝ BÍCH QUYÊN**

Giới tính: Nữ ;  
Ngày tháng năm sinh: 1980;  
Nơi sinh: M. Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;  
Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh;  
Địa chỉ thường trú: 07B Ngô Quyền, P.1, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng;  
Số điện thoại liên lạc: 079.3660565;  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn  
Quá trình công tác: - 2005 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam  
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam;  
Tổng giám đốc Công ty.  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không;  
Quy định lệ mâu thuẫn với Cty: Không;

**Họ và tên: TRẦN NGUYỄN PHONG**

Giới tính: Nam;  
Ngày tháng năm sinh: 1959;  
Nơi sinh: M. Xuyên, Sóc Trăng;  
Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh;  
Địa chỉ thường trú: 85A, Quốc lộ 1, P.2, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;  
Số điện thoại liên lạc: 079.3660565;  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: CEO  
Quá trình công tác: - Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ là Cán bộ Trùm Giao dịch của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.  
- T02/2002 - nay: Cùng với các thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Việt Nam Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam Út Xi  
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam Út Xi;  
Phó Tổng giám đốc Công ty.  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không;



Quy định nội mâu thuẫn với Cty: Không;

**H và tên: NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG**

Giới tính: Nam;  
Ngày tháng năm sinh: 1972;  
Nơi sinh: M. Xuyên, Sóc Trăng;  
Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh;  
Địa chỉ thường trú: 35 Lý Thường Kiệt, P.6, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;  
Số điện thoại liên lạc: 079.3660565;  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: CEO  
Quá trình công tác:  
- Năm 1991 – 2001: Học sinh thông thạo ngoại ngữ giúp gia đình trong công tác kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân Út Xi.  
- T02/2002 – nay: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Việt Nam Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam Út Xi  
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam Út Xi;  
Phó Tổng giám đốc Công ty;  
Giám đốc Xí nghiệp chứng khoán Việt Nam Hoàng Phương.  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không;  
Quy định nội mâu thuẫn với Cty: Không;

**H và tên: TRẦN NGUYỄN TRÚC LINH**

Giới tính: Nam;  
Ngày tháng năm sinh: 1971;  
Nơi sinh: Xã Tân Thành, Châu Thành, Bến Tre;  
Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh;  
Địa chỉ thường trú: 34/5 QL1A, khóm 5, P.2, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;  
Số điện thoại liên lạc: 079.3660565;  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Trung cấp quản lý nghiệp vụ giao thông  
Quá trình công tác:  
- Năm 1991 – 2001: Học sinh thông thạo ngoại ngữ giúp gia đình trong công tác kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân Út Xi.



- T02/2002 – nay: Làm vi c t i Xí nghi p kho v n Hoàng  
Nhã tr c thu c Công ty C ph n Ch bi n Th y s n  
Út Xi

Ch c v công tác hi n nay: Thành viên H QT Công ty CP Ch bi n Th y s n Út Xi;  
Phó giám c Xí nghi p kho v n Hoàng Nhã;  
Giám c Xí nghi p ch bi n th y s n Hoàng Ph ng.  
Hành vi vi ph m pháp lu t: Không;  
Quy n l i mâu thu n v i Cty: Không;

**H và tên: MAI TH H NG NGA**

Gi i tính: N ;  
Ngày tháng n m sinh: 1978;  
N i sinh: Tp Sóc Tr ng, t nh Sóc Tr ng;  
Qu c t ch: Vi t Nam;  
Dân t c: Kinh;  
a ch th ng trú: 07B Ngô Quy n, P.1, Tp.Sóc Tr ng, T nh Sóc Tr ng;  
i n tho i liên l c: 079.3660565;  
Trình h c v n: 12/12  
Trình chuyên môn:  
Quá trình công tác: - N m 1997: Sau khi h c ph thông, l p gia ình v  
bên ch ng, ph t i p gia ình làm kinh doanh th y  
s n.  
- T02/ 2002 – nay: Cùng v i m t s thành viên trong gia  
ình thành l p Công ty TNHH Ch bi n Th y s n Út  
Xi; T6/2006 chuy n thành Công ty CP Ch bi n th y  
s n Út Xi  
Ch c v công tác hi n nay: Thành viên H QT Công ty CP Ch bi n Th y s n Út Xi;  
Th qu Công ty.  
Hành vi vi ph m pháp lu t: Không;  
Quy n l i mâu thu n v i Cty: Không;

**H và tên: NGUY N HOÀNG NHÃ**

Gi i tính: Nam;  
Ngày tháng n m sinh: 1984;  
N i sinh: Thành ph Sóc Tr ng, t nh Sóc Tr ng;  
Qu c t ch: Vi t Nam;



Dân tộc: Kinh;  
Địa chỉ thường trú: BD 03 Khu Dân cư Minh Châu, QL1A, P.7, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;  
Điện thoại liên lạc: 079.3660565;  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD Trường Strayer University, Washington, D.C. Hoa Kỳ  
Quá trình công tác: T02/2002 – nay: Công tác tại Công ty TNHH Chứng khoán Việt Nam;  
Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam, phụ trách quan hệ khách hàng;  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không;  
Quy định mâu thuẫn với Công ty: Không;

**- Ban kiểm soát:**

**Họ và tên: TRẦN VĂN BỬU**

Giới tính: Nam;  
Ngày tháng năm sinh: 02/12/1975;  
Nơi sinh: Long Nghĩa, Long Mỹ, Hậu Giang;  
Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh;  
Địa chỉ thường trú: Số 23 LK36 Ngõ 8, khu đô thị 5a, P4, Tp Sóc Trăng;  
Điện thoại liên lạc: 079.3852671;  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tài chính;  
Quá trình công tác: - Năm 2001- 06/2006: Công tác tại Công ty Cổ phần Khí & Xây dựng Miền Bắc Liêu vực chức vụ: Kế Toán Tài chính.  
- T06/2006 - nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam.  
Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát;  
Trưởng phòng KSNB Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam.  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không;  
Quy định mâu thuẫn với Công ty: Không;



**H và tên: LÊ THANH S N**

Gi i tính: Nam;  
 Ngày tháng n m sinh: 1959;  
 N i sinh: Th t N t, C n Th ;  
 Qu c t ch: Vi t Nam;  
 Dân t c: Kinh;  
 a ch th ng trú: 4/48 huy n Thanh Quan, P.Th i Bình, Q.Ninh Ki u, C n Th ;  
 i n tho i liên l c: 079.3660676;  
 Trình h c v n: 12/12  
 Trình chuyên môn: Trung c p pháp lý;  
 Quá trình công tác:  
 - N m 1977 – 1982: i b i công tác t nh Kam Pông Ch N ng, Campuchia;  
 - T10/1982: Ph c viên v công tác Công ty Nông s n th c ph m t nh H u Giang (nay là Công ty Th ng m i C n Th ) v i ch c v là Cán b Phòng T ch c hành chánh Công ty.  
 - N m 1995: Xin ngh và v công tác t i a ph ng;  
 - N m 2000 – 2002: Công tác t i Phòng K ho ch c a Công ty Giày C n Th ;  
 - T07/2002 - nay: Công tác t i Phòng T ch c Công ty Ch bi n Th y s n Út Xi.  
 Ch c v công tác hi n nay: Thành viên Ban ki m soát;  
 Tr ng phòng TCHC Cty CP CBTS Út Xi.  
 Hành vi vi ph m pháp lu t: Không;  
 Quy n l i mâu thu n v i Cty: Không;

Quy n l i Ban t ng giám c: Ban t ng giám c h ng l ng hàng tháng theo quy ch tỉ n l ng c a Công ty c phê duy t b i H i ng qu n tr và tỉ n th ng c h ng theo k t qu s n xu t kinh doanh c a Công ty sau khi quy t toán n m.

S l ng cán b công nhân viên t i ngày 31/12/2013: 1.350 nhân s , v i trình chuyên môn nh sau:

<b>Stt</b>	<b>Phân theo trình chuyên môn</b>	<b>S l ng</b>	<b>T l</b>
1	Trình i h c tr lên:	75	5,8%
2	Trình trung c p và t ng ng:	91	7,04%
3	Công nhân có tay ngh ch bi n th y s n:	558	43,19%



4	Công nhân đang học nghề, thạc sĩ:	568	43,96%
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.292</b>	<b>100%</b>

**Chính sách đào tạo:**

Trong nền kinh tế tri thức, một trong những yếu tố tiên quyết để thành công của doanh nghiệp là con người. Nhận thức được điều này, Công ty Út Xi xem công tác đào tạo và chính sách thu hút người lao động có tay nghề, chuyên môn cao là một tiêu chuẩn sự thành công hành cùng doanh nghiệp.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hỗ trợ các chi phí quản lý của mình để vì công việc, ý thức công việc của mình để tránh những tác động tiêu cực, tận dụng nguồn nhân lực mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Công ty Út Xi thường xuyên thực hiện các chương trình đào tạo nội doanh nghiệp và bên ngoài như: thực hiện khai huấn luyện công nhân sản xuất các sản phẩm mới, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO 9001: 2000, BRC (phiên bản 4), ISO 14001: 2004, ISO 22000:2005 .v.v... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ chuyên môn tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn bên ngoài nhằm hoàn thiện và cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn ngày một hiệu quả.

**Chính sách lương, thưởng**

Nhằm đáp ứng trên, con người là nhân tố quyết định thành công của doanh nghiệp, do đó mục tiêu của người có tay nghề, chuyên môn tốt nhất là người giỏi, Công ty có chính sách đãi ngộ thông qua tiền lương, thưởng trả cho người lao động.

Công ty Út Xi trả lương theo sản phẩm làm ra, tạo sự công bằng cho người lao động. Cho nên, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc nhàn theo người khác, tạo ra tính cạnh tranh nâng cao năng suất trong sản xuất. Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Thu nhập bình quân/tháng (VNĐ)	2.650.000	2.700.000	3.200.000	3.250.000

Ngoài những khoản thu nhập tiền lương, Người lao động còn được Công ty bố trí nhà ở tạm thời, và hỗ trợ tiền nhà trọ cho người lao động làm việc tại nhà máy, Công ty hỗ trợ chi phí ăn trưa cho người lao động làm việc trong ngày.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hỗ trợ các chi phí quản lý của mình để vì công việc, ý thức công việc của mình để tránh những tác động tiêu cực, tận dụng nguồn nhân lực mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

**VIII. Thông tin công đồng và Hội đồng quản trị:**

**Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**



Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam nêu mục VII, các thành viên không trực tiếp điều hành Công ty gồm:

1. Mai Thị Hồng Nga Thành viên Hội đồng quản trị;
2. Trần Trúc Linh Thành viên Hội đồng quản trị;
3. Trần Văn Bình Trưởng Ban kiểm soát;
4. Lê Thanh Sơn Thành viên Ban kiểm soát;

#### **Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

- Hội đồng Quản trị của công ty gồm có 7 thành viên, nhiệm kỳ 2010 - 2015. Các thành viên thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời, theo phương thức vì lợi ích cao nhất của công ty và Cổ đông.
- Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị công ty thực hiện các cuộc họp thường kỳ và bất thường, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý, sáu tháng, chín tháng, năm 2014. Nhiệm vụ chính sách kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Hội đồng quản trị thực hiện yêu cầu của mình trong điều hành doanh nghiệp, tuân thủ pháp luật Nhà nước, điều lệ công ty và các quy tắc đã ban hành, như:
  - + Thông qua nghị quyết xin miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát của ông Lê Phước Sang ngày 04/01/2015 nhiệm kỳ 2010 – 2015;
  - + Thông qua công tác phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2010 – 2015 theo chức năng;
  - + Phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2014;
  - + Cho Ban điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh đúng theo quy tắc đầu tư của công ty năm 2014;
  - + Xem xét và thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2015;
  - + Xem xét và thông qua phương án xin tái cấp hạn mức tín dụng các ngân hàng thương mại giao dịch với công ty;
  - + Cho ban điều hành và bộ phận công bố thông tin công bố kịp thời các số liệu xảy ra công ty theo quy định.
  - + Thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 295 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng trình Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.

Qua xem xét các biên bản cuộc họp, quá trình điều hành của HĐQT, Ban kiểm soát nhận thấy các quyết định của HĐQT và những năm mục đích chung là mang lại lợi ích cho Công ty, đảm bảo vai trò lãnh đạo phát triển của công ty theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông và tuân thủ Pháp luật Nhà nước.

#### **Hoạt động năm 2014:**

- Ban kiểm soát của công ty có 3 thành viên, nhiệm kỳ 2010 - 2015, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát họp định kỳ ba lần, xem xét đánh



giá họ t ng i u hành và xem xét m c tuân th c a báo cáo tài chính Công ty, tr c khi công b ra bên ngoài.

- C n c họ t ng n m 2014, Ban ki m soát Công ty ch a phát hi n x y ra tr ng h p nào vi ph m các qui nh nêu trong i u l Công ty và không nh n c b t c n th khi u n i nào t Công có liên quan t i họ t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.

**Họ t ng ki m soát trong nhi m k 2010 – 2015:**

Ban ki m soát có ba thành viên trong nhi m k 2010 – 2015, c phân công nh sau:

1. Ông **Tr n V n B u** - Tr ng ban;
2. Ông **Lê Thanh S n** - Thành viên;
3. Ông **Lê Ph c Sang** - Thành viên (*t nhi m ngày 04/01/2015*)

**Trong nhi m k 2010 – 2015, Ban ki m soát th c hi n công vi c:**

- Ban ki m soát th c hi n vai trò c a mình trong m i họ t ng c a công ty theo ch c n ng và nhi m v quy nh t i i u l họ t ng c a Cty.
- Th c hi n công tác ki m tra giám sát theo ngh quy t i h i ng c ông i v i Ban i u hành công ty. Th c hi n công tác th m tra báo cáo tài chính 6 tháng, n m tr c khi báo cáo ra th tr ng ch ng khoán và c ông.
- Ki m tra giám sát ch t ch công tác công b thông tin, c bị t là các thông tin v báo cáo tài chính quý, n m, báo cáo th ng niên, báo cáo qu n tr, và các thông tin liên quan n các thành viên H QT và nh ng ng i có liên quan giao d ch c phi u công ty.
- Trong nhi m k qua H i ng qu n tr và Ban i u hành th c hi n thành công phát hành 10.000.000 c ph n cho nhà u chi n l c t ng v n i u l t 195 t ng lên 295 t ng, t o ra kho n th ng đ v n c ph n 44,7 t ng.
- Nhi m k 2010 – 2015 là nhi m k r t khó kh n c a H i ng qu n tr và Ban i u hành. Do nh h ng cu c kh ng ho ng kinh t th gi i và n công các n c Châu Âu làm suy gi m s c mua. ng th i áp l c rút v n t các t ch c tín d ng. Tuy nhi m k 2010 – 2015, H i ng qu n tr và Ban i u hành ch a hoàn thành k ho ch theo Ngh quy t i h i ng c ông giao, nhìn chung qua các n m kinh doanh u có lãi. ây là n l c r t l n c a H i ng qu n tr và Ban i u hành c n c trân tr ng và ghi nh n.

Sau i h i ng c ông th ng niên hàng n m thông qua k ho ch s n xu t kinh doanh, Ban ki m soát t ch c công tác giám sát nh k hàng quý, sáu tháng, n m c th nh sau:

**\* V họ t ng kinh doanh:**

- Ki m tra, giám sát họ t ng kinh doanh c a Công ty, th m nh báo cáo k t qu kinh doanh, báo cáo ánh giá công tác qu n lý;
- Giám sát vi c th c hi n các quy n và trách nhi m c a H i ng qu n tr, Ban t ng giám c và ng i qu n lý khác c a Công ty;
- Ki m tra, giám sát tính pháp lý các giao d ch kinh t, dân s c a Công ty trong l nh v c kinh doanh.





**\* V ho t ng tài chính và u t :**

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, u t , mua sắm tài sản, các văn v c ph n và các văn khác có liên quan c a Công ty;
- Thẩm tra báo cáo tài chính; ph ng án phân ph i l i nhu n sau thu và trích l p các qu theo quy nh c a i u l ;
- Giám sát các giao d ch kinh t , dân s liên quan n l nh v c tài chính, u t .

**\* V t ch c nhân s :**

- Kiểm tra, giám sát vi c th c hi n Lu t lao ng và các ch i v i ng i lao ng c a Công ty;
- Kiểm tra, giám sát vi c b nh i m, mi n nh i m, khen th ng, k lu t T ng Giám c, Phó t ng giám c, K toán tr ng và ng i qu n lý khác trong Công ty m b o công vi c b nh i m, mi n nh i m c th c hi n úng theo Lu t doanh nghi p và i u l công ty.

**\* Các v n khác:** Theo i u l Công ty và pháp lu t quy nh.

T t c các v n thu c th m quy n Ban ki m soát giám sát c Tr ng ban báo cáo lên H i ng qu n tr tr c khi trình cho C ông.

Trong n m 2014, Ban ki m soát ch a phát hi n tr ng h p nào trong qu n tr i u hành Công ty vi ph m i u l Công ty và Pháp lu t.

**K ho ch t ng c ng hi u qu trong ho t ng qu n tr Công ty:**

Thù lao và l i ích khác c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát n m 2013:

Stt	H và tên	Ch c v	Thù lao
<b>I. H i ng qu n tr :</b>			
1	Nguyễn Tri u Đông	Ch t ch H i ng qu n tr	120.000.000
2	Tr ng Trúc Linh	Thành viên H i ng qu n tr	84.000.000
3	Tr ng Văn Ph c	Thành viên H i ng qu n tr	84.000.000
4	Nguyễn Hoàng Ph ng	Thành viên H i ng qu n tr	84.000.000
5	Mai Th H ng Nga	Thành viên H i ng qu n tr	84.000.000
6	Lý Bích Quyên	Thành viên H i ng qu n tr	84.000.000
7	Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên H i ng qu n tr	84.000.000
<b>C ng:</b>			<b>624.000.000</b>
<b>II. Ban ki m soát:</b>			
1	Tr n Văn B u	Tr ng ban ki m soát	84.000.000
2	Lê Thanh S n	Thành viên ki m soát	48.000.000
3	Lê Ph c Sang	Thành viên ki m soát	48.000.000
<b>C ng</b>			<b>180.000.000</b>
<b>T ng c ng:</b>			<b>804.000.000</b>



Tổng số học phần và nhúng thay đổi lần mới của thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số học phần Mới	Tỷ lệ Mới
1. Nguyễn Triêu Đông	Chủ tịch HĐQT	5.930.000	20,10%
2. Trần Trúc Linh	Thành viên HĐQT	1.800	0,01%
3. Trần Văn Phúc	Thành viên HĐQT	1.491.176	5,05%
4. Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	2.950.000	10,00%
5. Mai Thị Hằng Nga	Thành viên HĐQT	1.491.176	5,05%
6. Lý Bích Quyên	Thành viên HĐQT	54.099	0,18%
7. Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên HĐQT	6.644.239	22,52%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>18.562.490</b>	<b>62,91%</b>

Thông tin giao dịch của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người liên quan các nội dung nói trên. Không.

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 04 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ÚT XI**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

(ã ký)

**NGUYỄN TRIÊU ĐÔNG**